TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 12- 9 - 2023
V/v: ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Duyên

Bà Bùi Thị Ngoan.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 102/2023/TLST - HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2023 về "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 15/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2023/QĐ-HPT ngày 31/8/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Đ**, sinh năm 1990,

Địa chỉ: xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An

- *Bị đơn*: Anh **Phan Quang T,** sinh năm 1985,

Địa chỉ: thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình

Chị Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày* 06/6/2023 *và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V huyện K tỉnh Thái Bình vào ngày 04/12/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Trong thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2019, chị Đ bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở Nghệ An sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị Đ thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: không có.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: không có.

** Bị đơn là anh Phan Quang T* vắng mặt tại địa phương nên Tòa án không ghi được lời khai.

Qua xác minh tại UBND xã Vũ Lễ huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình ngày 04/8/2023 thể hiện: Chị Đ và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V huyện K, tỉnh Thái Bình vào năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh T ở xã V huyện K. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do khác nhau về lối sống, văn hóa vùng miền. Khoảng năm 2020, chị Đ không chung sống cùng anh T và gia đình anh T nữa mà về nhà bố mẹ chị Đ ở tỉnh Nghệ An sinh sống. Hiện nay anh T vẫn đăng ký hộ khẩu tại thôn T xã V huyện K tỉnh Thái Bình nhưng đi làm ăn ở tỉnh ngoài, thỉnh thoảng vẫn về nhà. Nay chị Đ xin ly hôn anh T, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng không có con chung, không vay nợ của các tổ chức, đoàn thể ở địa phương.

Theo người làm chứng là bà Trần Thị K, nơi cư trú: thôn T, xã V, huyện K tỉnh Thái Bình (là mẹ anh Phan Quang T) cho biết: Anh T và chị Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V vào năm 2018. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do khác biệt về lối sống, văn hóa vùng miền. Năm 2020, chị Đ về nhà bố mẹ chị Đ ở Nghệ An sinh sống, vợ chồng không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau và ly thân từ đó đến nay. Việc chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh T, anh T có biết, quan điểm của anh T là đồng ý ly hôn chị Đ vì vợ chồng không còn tình cảm, vợ chồng đã không chung sống cùng nhau từ nhiều

năm nay. Vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không vay nợ chung. Hiện nay anh T đi làm ở tỉnh ngoài thỉnh thoảng có về gia đình.

Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án; bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ do chị Đ cung cấp; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bà Trần Thị K để bà K giao và thông tin lại nội dung cho anh T. Bà K đã nhận các văn bản tố tụng nêu trên của Tòa án và cam kết thông tin nội dung các văn bản trên cho anh T.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị Đ được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Không có

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ , vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị Đ và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Vũ Lễ huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Chị Đ đã về nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Nghệ An sinh sống từ khoảng năm 2019, 2020, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Tòa án đã triệu tập để hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng chị Đ vẫn kiên quyết ly hôn và anh T vắng mặt. Điều này chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Đ, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, xử cho chị Đ được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Không có

[5] Về quan hệ tài sản: Không giải quyết.

[6] Về án phí: ChịĐ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Phan Quang T.

2. *Về quan hệ con chung:* Không có.

3. *Về quan hệ tài sản*: Không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Trần Thị Đ phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0001934 ngày 13/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, như vậy chị Trần Thị Đ đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5.*Về quyền kháng cáo*: Chị Trần Thị Đ và anh Phan Quang T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã Vũ Lễ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Xuân